| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 72/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13-02-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa anh Dũng và chị N

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lương Thị Kim Huế

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vương Thị Minh Tân

Ông Nguyễn Văn Quỹ

***- Thư ký phiên toà***: Bà Bùi Phương Thảo – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà***: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 24/2020/TLST- HNGĐ ngày15 tháng 01 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Trí D, sinh năm 1984; Nơi cư trú: 6/10/265 đường Trường Chinh, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh N, sinh năm 1984; Nơi cư trú: 6/10/265 đường Trường Chinh, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(anh D và chị N vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin giải quyết vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 03-01-2020, trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là anh Vũ Trí D trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Trần Thị Thanh N tổ chức lễ cưới và tự nguyện kết hôn năm 2010, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố N ngày

06-10-2010 và có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm trước khi cưới. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống cũng như các mối quan hệ gia đình và xã hội nên thường xảy ra xô xát, cãi vã. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng sống ly thân từ thời điểm tháng 6 năm 2019. Trong thời gian ly thân, hai vợ chồng không quan tâm và chăm sóc lẫn nhau nữa. Đến nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên anh D có nguyện vọng xin được ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Trần Phương Uyên, giới tính nữ, sinh ngày 19-10-2010 và Vũ Trần Bảo Phong, giới tính nam, sinh ngày 28-10-2013. Nếu ly hôn anh D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Vũ Trần Bảo Phong còn cháu Vũ Trần Phương Uyên do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dương. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh và chị N tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh D xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra do công việc rất bận nên anh Dùng không thể tham gia phiên tòa nên có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai đề ngày 17-01-2020 bị đơn chị Trần Thị Thanh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh Vũ Trí D trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng chị N trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Nay chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên cũng đồng ý ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị N xác nhận vợ chồng anh chị có hai con chung là Vũ Trần Phương Uyên, giới tính nữ, sinh ngày 19-10-2010 và Vũ Trần Bảo Phong, giới tính nam, sinh ngày 28-10-2013. Nếu ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Vũ Trần Phương Uyên, anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Trần Bảo Phong. Việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh D tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng: Chị N xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra do công việc rất bận nên chị N không thể tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nên có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại đơn đề nghị của cháu Vũ Trần Phương Uyên ngày 21-01-2020 trình bày nếu bố mẹ ly hôn cháu Uyên có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Trần Thị Thanh N.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 05-2-2020 tại Ủy ban nhân dân phường Q xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh D, chị N thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Vũ Trần Phương Uyên, giới tính nữ, sinh ngày 19-10-2010 và Vũ Trần Bảo Phong, giới tính nam, sinh ngày 28-10-2013.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa anh D và chị N. Về con chung: anh D và chị N thỏa thuận thống nhất nếu ly hôn anh D nuôi con Vũ Trần Bảo Phong còn chị N nuôi con Vũ Trần Phương Uyên. Xét việc thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng anh D và chị N. Về cấp dưỡng nuôi con: anh D và chị N tự thỏa thuận giải quyết. Về tài sản chung và công nợ: anh D và chị N không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Trí D là nguyên đơn và chị Trần Thị Thanh N là bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Anh Vũ Trí D và chị Trần Thị Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N năm 2010 nên hôn nhân giữa anh D và chị N là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn anh D và chị N sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Nay anh D và chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng có nguyện vọng được ly hôn. Chị N xin được vắng mặt tại phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải chứng tỏ chị N không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị N ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa anh D và chị N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tranh chấp nuôi con: Anh D có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung Vũ Trần Bảo Phong còn chị N có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung Vũ Trần Phương Uyên sau khi vợ chồng ly hôn. Cháu Vũ Trần Phương Uyên cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Trần Thị Thanh N. Xét việc các đương sự thỏa thuận về việc nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có căn cứ giao con Vũ Trần Bảo Phong cho anh Vũ Trí D trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Vũ Trần Phương Uyên cho chị Trần Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc anh D và chị N tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: anh D và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Vũ Trí D là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Vũ Trí D và chị Trần Thị Thanh N.

2. Về con chung: Giao con Vũ Trần Bảo Phong, giới tính: nam, sinh ngày 28-10-2013 cho anh Vũ Trí D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Giao con Vũ Trần Phương Uyên, giới tính: nữ, sinh ngày 19-10-2010 cho chị Trần Thị Thanh N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Trí D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) anh Vũ Trí D đã nộp tại biên lai số 0002733 ngày 15-01-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Trí D và chị Trần Thị Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- UBND phường Q;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi Cục THA dân sự thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**(đã ký)**

**Lương Thị Kim Huế**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Kim Huế**